# BẢN TIN CHỨNG KHOÁN

## QUÁN TÍNH ỦNG HỘ HƯỚNG VỀ MỐC 1300 ĐIỂM, ĐÀ ĐI LÊN VẪN SẼ KÈM THEO RUNG LẮC

13/05/2025

| | |
|---|---|
| **VN-Index** | **1283.26 (1.26%)** |
| 962 Tr. cổ phiếu | 21466.0 Tỷ VND (23.39%) |
| **HNX-Index** | **216.04 (0.89%)** |
| 57 Tr. cổ phiếu | 933.2 Tỷ VND (7.98%) |
| **UPCOM-Index** | **93.59 (0.20%)** |
| 47 Tr. cổ phiếu | 1509.5 Tỷ VND (74.65%) |
| **VN30F1M** | **1374.00 (1.74%)** |
| 217,169 HD | OI: 42,866 HD |

**% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số**

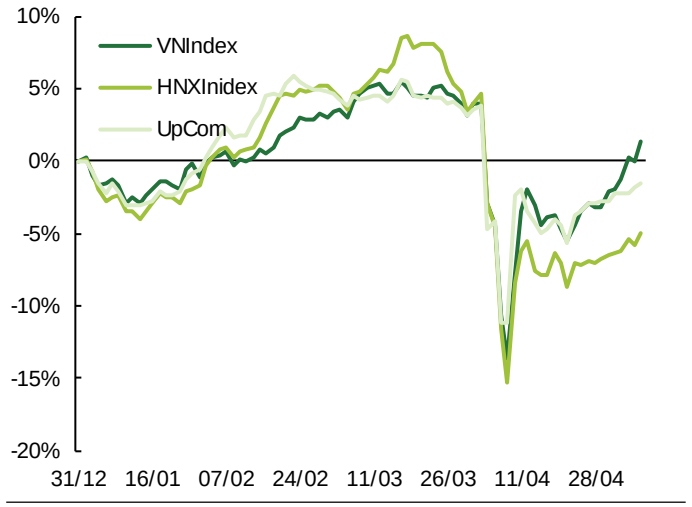


## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Thị trường giao dịch khởi sắc theo đà tăng của chứng khoán toàn cầu. Sự lạc quan về căng thẳng thương mại hạ nhiệt tiếp tục thúc đẩy tâm lý. **Mỹ và Trung Quốc vừa đạt được thỏa thuận giảm thuế quan lẫn nhau trong vòng 90 ngày tới,** sau cuộc đàm phán giữa các quan chức cấp cao hai bên vào cuối tuần rồi. Washington quyết định cắt giảm thuế đối với hàng hóa Trung Quốc từ 145% xuống mức 30%, đã bao gồm mức thuế 20% liên quan tới vấn đề fentanyl. Đáp lại, Bắc Kinh cũng hạ thuế đối với hàng Mỹ từ 125% xuống còn 10%. Về căng thẳng địa chính trị, **Ấn Độ và Pakistan đang giữ thỏa thuận ngừng bắn dưới sự trung gian của Mỹ,** dù có nhiều cáo buộc vi phạm lẫn nhau ngay sau thỏa thuận.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Thanh khoản gia tăng so với phiên trước và cải thiện về mức bình quân 20 phiên với độ rộng nghiêng về bên mua. Dòng tiền lan tỏa tốt nhưng có dấu hiệu chững lại ở những mid-cap có hiệu suất tốt gần đây, thay vào đó tìm đến những nhóm ngành chưa phục hồi nhiều. Chiều tăng nổi bật ghi nhận ở nhóm Bất động sản (nhóm Vin chiếm trọng số lớn), Ngân hàng, Cao su, Công nghệ. Ở chiều ngược lại, nhóm Viễn thông, Dược phẩm, Thép điều chỉnh giảm. Về mặt điểm số, đóng vai trò động lực là lực kéo từ TCB, VIC, GVR, trong khi HPG, MSN, DHG, kìm hãm. Khối ngoại bán ròng gần 294,1 tỷ đồng, tập trung ở VCB, HPG, STB.

## GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** duy trì động lượng tăng với sự trở lại của nhóm chủ lực Ngân hàng. Các chỉ báo kỹ thuật ổn định và chưa có chiều hướng xấu đi, điều này củng cố **mục tiêu tiếp theo là hướng đến kiểm định mốc 1300 điểm**. Dù vậy, áp lực chốt lời hiện hữu ở những Mid-cap có hiệu suất tốt gần đây nên khả năng nhóm này sẽ chững lại trong ngắn hạn, nhường chỗ cho **sự luân chuyển dòng tiền đến nhóm vốn hóa lớn nhằm dẫn dắt chỉ số**. Hỗ trợ được nâng lên ngưỡng 1240 điểm giúp bảo toàn xu thế vận động. Đà đi lên sẽ kèm theo rung lắc.
- **Đối với HNX-Index,** sắc xanh cũng được đón nhận giúp chỉ số bật tăng phủ định đà giảm từ phiên trước, dù vậy, khớp lệnh chưa cao cho thấy mức đồng thuận chưa thuyết phục. Kháng cự tiếp theo quanh ngưỡng 220 điểm vẫn là thách thức.
- **Chiến lược chung:** Gia tăng thêm một phần tỷ trọng ở nhịp điều chỉnh. Các nhóm ưu tiên chú ý là Ngân hàng, Bất động sản, Tiện ích, Đầu tư công, Tiêu dùng.

## CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Nắm giữ VCG (Xem tiếp tại trang 7)

Phái sinh (trang 9)

## Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

| Chỉ số | Giá đóng cửa | % Thay đổi (%) 1D | (%) 1W | (%) 1M | Giá trị giao dịch (Tỷ VND) | % Biến động giá trị giao dịch so với 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng | Khối lượng giao dịch (Triệu CP) | % Biến động khối lượng giao dịch so với 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Theo chỉ số** | | | | | | | | | | | | |
| VN-Index | 1,283.3 | **1.3%** | 3.5% | 5.0% | 21,466.0 | **25.29%** | 49.4% | -43.7% | 961.8 | **22.4%** | 58.5% | -41.9% |
| HNX-Index | 216.0 | **0.9%** | 1.5% | 1.3% | 933.2 | **8.0%** | 28.0% | -60.4% | 56.6 | **-9.2%** | 28.9% | -62.0% |
| UPCOM-Index | 93.6 | **0.2%** | 1.3% | 0.4% | 1,509.5 | **74.6%** | -54.6% | 18.8% | 46.9 | **1.8%** | -23.0% | -56.8% |
| VN30 | 1,372.0 | **1.5%** | 3.9% | 4.7% | 13,283.4 | **53.8%** | 103.4% | -39.0% | 482.3 | **64.1%** | 113.8% | -37.0% |
| VNMID | 1,830.4 | **0.8%** | 2.1% | 6.3% | 6,130.4 | **1.0%** | 4.5% | -53.0% | 285.6 | **-4.3%** | 2.6% | -55.6% |
| VNSML | 1,391.8 | **0.4%** | 2.1% | 6.9% | 1,447.9 | **-13.6%** | -5.9% | -43.3% | 93.7 | **-12.3%** | 29.8% | -50.7% |
| **Theo ngành (VNINdex)** | | | | | | | | | | | | |
| Ngân hàng | 506.4 | **1.5%** | 1.2% | 11.0% | 7,640.0 | **60.8%** | 75.8% | 64.8% | 358.0 | **58.1%** | 66.9% | 55.6% |
| Bất động sản | 350.9 | **1.8%** | 8.3% | 26.5% | 3,359.6 | **-3.9%** | -6.5% | -6.9% | 133.0 | **-18.2%** | -17.5% | -12.1% |
| Dịch vụ tài chính | 243.2 | **1.0%** | 1.6% | 12.6% | 1,902.2 | **7.2%** | 2.3% | -10.7% | 104.7 | **-0.4%** | -2.6% | -14.0% |
| Công nghiệp | 196.2 | **0.6%** | 3.7% | 30.6% | 855.7 | **8.7%** | -28.3% | -17.9% | 23.5 | **2.0%** | -34.0% | -27.8% |
| Tài nguyên cơ bản | 428.3 | **-0.8%** | 1.3% | 18.7% | 1,903.3 | **270.1%** | 187.1% | 127.2% | 86.4 | **171.4%** | 124.0% | 95.8% |
| Xây dựng - Vật Liệu | 157.2 | **0.2%** | 3.1% | 17.4% | 786.0 | **-31.7%** | -7.1% | -1.7% | 42.3 | **-31.8%** | -3.1% | 6.4% |
| Thực phẩm | 481.1 | **0.5%** | 0.9% | 15.7% | 1,334.6 | **0.1%** | 17.8% | 12.0% | 39.8 | **-16.5%** | 3.0% | 5.9% |
| Bán Lẻ | 1,159.2 | **0.7%** | 0.5% | 30.8% | 530.6 | **12.1%** | -5.2% | -4.3% | 9.4 | **9.3%** | -2.7% | -1.7% |
| Công nghệ | 534.0 | **1.8%** | 6.1% | 10.6% | 1,125.2 | **4.7%** | 14.8% | 26.3% | 13.7 | **19.1%** | 25.3% | 39.1% |
| Hóa chất | 162.3 | **2.8%** | 8.0% | 16.7% | 615.4 | **29.1%** | -3.5% | 13.7% | 18.4 | **15.8%** | -6.3% | 8.7% |
| Tiện ích | 630.9 | **1.2%** | 3.9% | 16.8% | 490.5 | **88.8%** | 21.1% | 82.7% | 29.0 | **107.2%** | 29.1% | 97.9% |
| Dầu khí | 59.2 | **1.1%** | 8.1% | 18.5% | 205.2 | **9.9%** | -19.1% | 21.8% | 9.5 | **9.1%** | -22.8% | 10.8% |
| Dược phẩm | 409.7 | **-0.6%** | 6.6% | 17.7% | 37.0 | **-56.0%** | -32.7% | -13.9% | 2.0 | **-43.4%** | -31.3% | -32.2% |
| Bảo hiểm | 80.4 | **0.8%** | 3.5% | 19.5% | 27.5 | **-23.4%** | -40.8% | -27.1% | 0.6 | **-31.6%** | -47.2% | -36.6% |

*Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp*

## Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

| Chỉ số | Thị trường | Giá đóng cửa | | % Thay đổi giá | | Chỉ số định giá | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | 1 ngày | YTD | P/E | P/B |
| VN-Index | Việt Nam | 1,283.3 | ▲ | 1.3% | 1.3% | 12.6x | 1.6x |
| SET-Index | Thái Lan | 1,211 | | - | -13.5% | 16.0x | 1.2x |
| JCI-Index | Indonesia | 6,833 | | - | -3.5% | 9.1x | 1.8x |
| FTSE Bursa Malaysia | Malaysia | 11,520 | | - | -8.5% | 14.6x | 1.3x |
| PSEi Index | Phillipines | 6,458 | | - | -1.1% | 11.6x | 1.4x |
| Shanghai Composite | Trung Quốc | 3,369 | ▬ | 0.8% | 0.5% | 13.6x | 1.3x |
| Hang Seng | Hồng Kông | 23,549 | ▲ | 3.0% | 17.4% | 11.6x | 1.3x |
| Nikkei 225 | Nhật Bản | 37,644 | ▬ | 0.4% | -5.6% | 18.6x | 1.9x |
| S&P 500 | Mỹ | 5,660 | ▼ | -0.1% | -3.8% | 24.2x | 4.9x |
| Dow Jones | Mỹ | 41,249 | ▼ | -0.3% | -3.0% | 22.9x | 5.4x |
| FTSE 100 | Anh | 8,603 | ▬ | 0.6% | 5.3% | 12.6x | 1.9x |
| Euro Stoxx 50 | Châu Âu | 5,413 | ▲ | 1.9% | 10.6% | 15.5x | 2.1x |
| | | | | | | | |
| DXY | | 101 | ▲ | 1.1% | -6.4% | | |
| USDVND | | 25,971 | ▼ | 0.0% | 1.9% | | |

*Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp*

*Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước*

## Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

| Giá/ Chỉ số hàng hóa | | % Thay đổi giá | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | 1D | 1M | %YTD | %YoY |
| Dầu Brent | ▲ | 2.9% | 1.5% | -11.9% | -20.6% |
| Dầu WTI | ▲ | 3.4% | 2.6% | -12.1% | -19.4% |
| Khí gas | ▬ | 0.4% | 8.0% | 4.8% | 69.1% |
| Than cốc (*) | | - | 3.8% | -15.5% | -34.3% |
| Thép HRC (*) | ▼ | -0.1% | -0.7% | -5.5% | -13.8% |
| PVC (*) | | - | -1.9% | -4.5% | -15.1% |
| Phân Urea (*) | ▼ | -0.6% | -0.6% | 2.4% | 24.8% |
| Cao su thiên nhiên | | - | 1.1% | -13.2% | 5.4% |
| Bông Cotton | ▲ | 2.7% | 3.8% | 0.0% | -11.6% |
| Đường | ▲ | 1.4% | 0.2% | -6.4% | -6.6% |
| World Container Index | ▼ | -0.7% | -8.4% | -45.4% | -34.3% |
| Baltic Dirty tanker Index | ▼ | -8.3% | -12.1% | 7.3% | -13.9% |
| | | | | | |
| Vàng | ▼ | -3.2% | -0.5% | 22.7% | 36.4% |
| Bạc | ▼ | -1.4% | -0.2% | 11.6% | 14.4% |

*Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp*

*Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc*

## TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

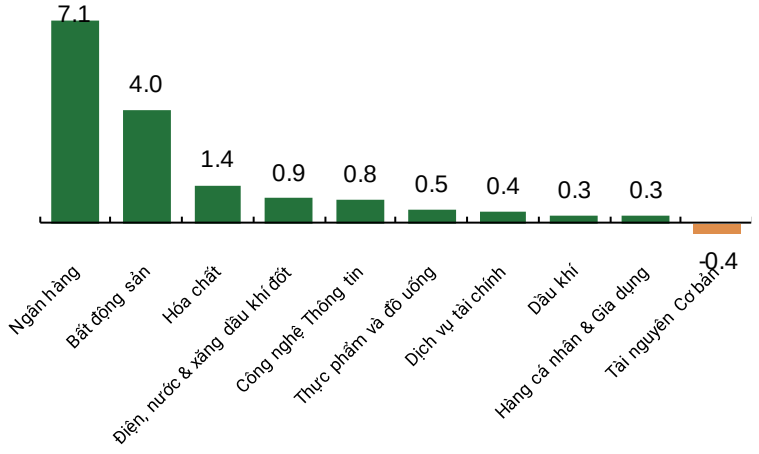


## TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

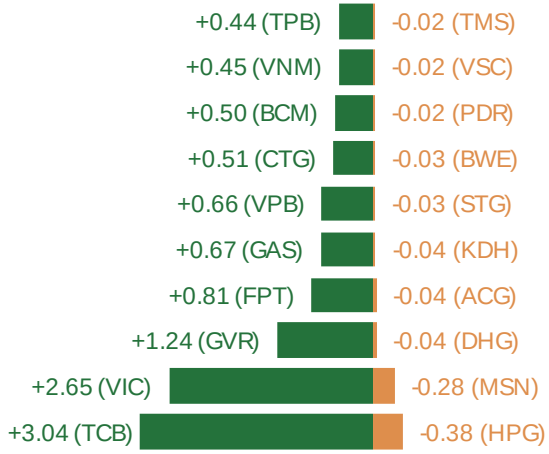


## TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

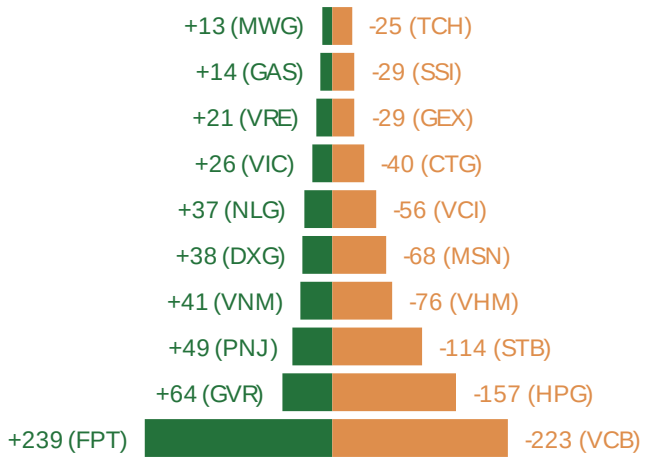


## TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

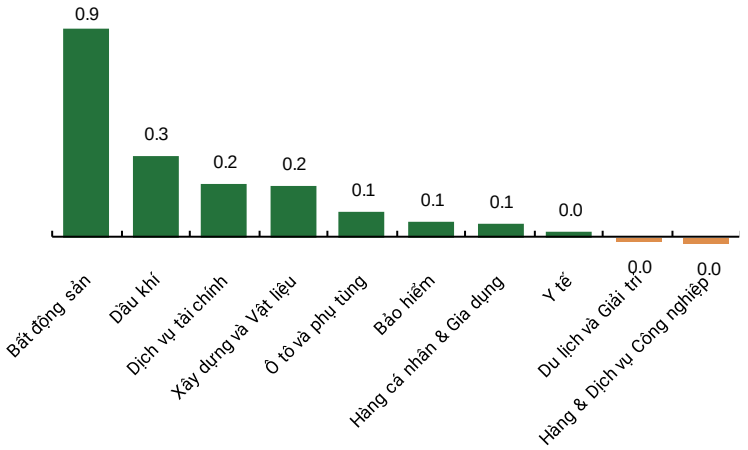


## TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

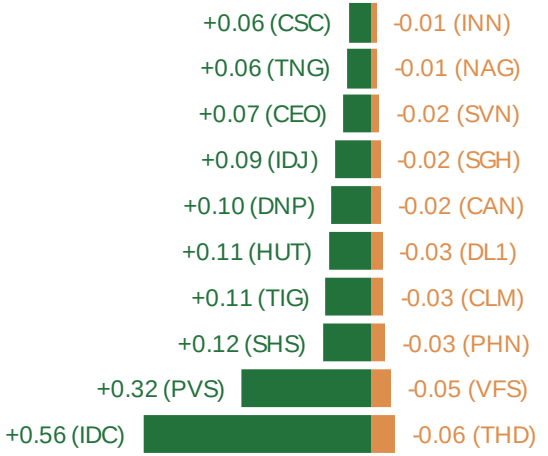


## TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

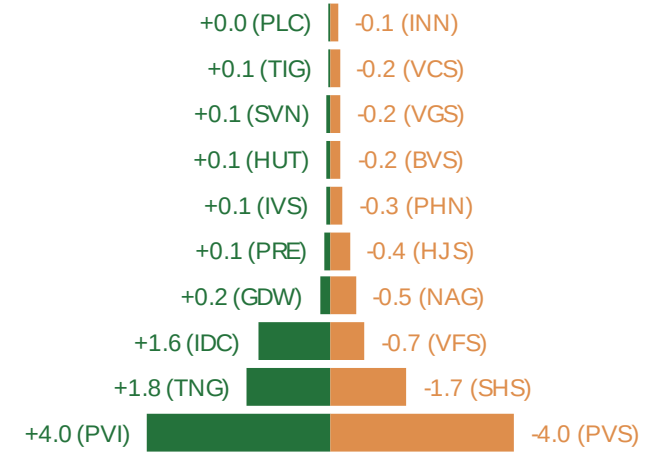

## TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

| | HPG | TCB | SHB | FPT | MBB |
|---|---|---|---|---|---|
| %DoD | -1.0% | 6.5% | 1.9% | 2.0% | 1.3% |
| Giá trị | 1,630 | 1,337 | 1,103 | 1,028 | 820 |

## TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

| | TCB | SJS | VIC | EIB | VHM |
|---|---|---|---|---|---|
| %DoD | 6.5% | -0.1% | 3.8% | 0.8% | 0.2% |
| Giá trị | 343 | 161 | 159 | 155 | 146 |

## GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)

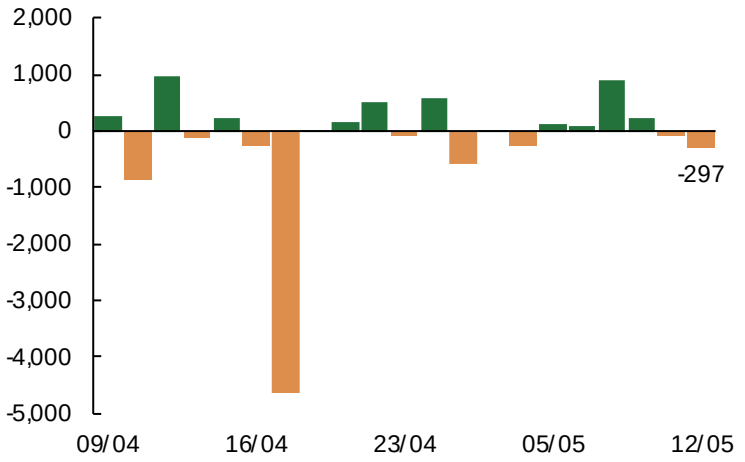


## TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX

| | IDC | SHS | PVS | MBS | CEO |
|---|---|---|---|---|---|
| %DoD | 4.9% | 0.8% | 3.4% | 0.8% | 0.8% |
| Giá trị | 155 | 145 | 115 | 74 | 50 |

## TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX

| | SVN | LDP | VIT | AAV | AAV |
|---|---|---|---|---|---|
| %DoD | -9.4% | 8.3% | 1.1% | -1.2% | -1.2% |
| Giá trị | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 |

## GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)

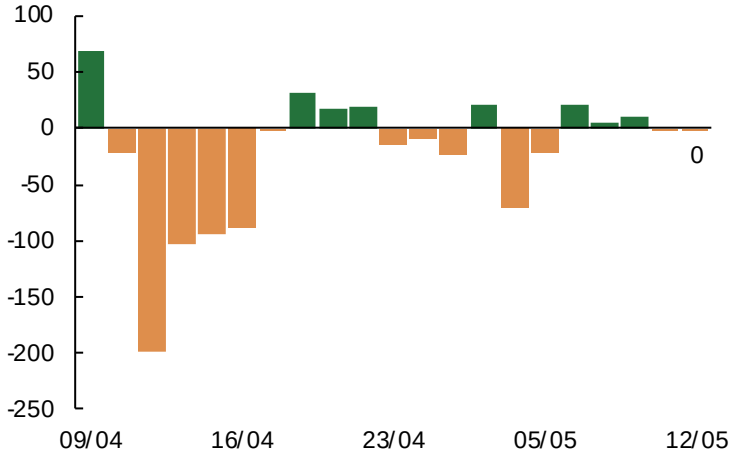

## Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến xanh Marobozu, vol tăng về mức bình quân 20 phiên
- ✓ Hỗ trợ: 1220 - 1240.
- ✓ Kháng cự: 1280 – 1300.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định mốc 1300.

**Kịch bản**: VN-Index vượt qua cản 1280 điểm bằng nến tăng giá thuyết phục**,** củng cố cho **mục tiêu hướng về mốc kháng cự tiếp theo là ngưỡng tâm lý 1300 điểm**. Dù vậy, đà đi lên vẫn sẽ kèm theo rung lắc nhằm củng cố cho đà. Hỗ trợ bên dưới được nâng lên ngưỡng 1240 điểm nhằm bảo toàn xu thế vận động.

## Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh Marobozu, vol tăng mạnh vượt bình quân 20 phiên
- ✓ Hỗ trợ: 1330 - 1350.
- ✓ Kháng cự: 1380 - 1400.
- ✓ Xu hướng: Tiếp cận kháng cự mạnh gần đỉnh cũ.

➔ Dòng tiền đang có sự dịch chuyển trở lại sang nhóm vốn hóa lớn, điển hình là VN30 mang tính đại diện. Khớp lệnh ở VN30 tăng cao hơn VN-Index cùng với xu hướng đã gần như lấp lại "gap giảm" trước đó, cho thấy vận động tốt hơn. Nhiều khả năng sẽ kiểm định lại đỉnh cũ (1400 điểm) trước VN-Index.

| STOCK | | STRATEGY | Technical | | | Financial Ratio | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Ticker** | **VCG** | | **Current price** | | **21.25** | **P/E (x)** | 13.5 |
| **Exchange** | HOSE | **HOLD** | Action price | (13/5) | **21.65** | P/B (x) | 1.6 |
| **Sector** | Construction & Engineering | | Cut loss | | **20** | EPS | 1578.8 |
| | | | **Target price (new)** | | **24.5** | ROE | 12.3% |
| | | | Target price (old) | | | Stock Rating | BBB |
| | | | | | | Scale Market Cap | Medium |

## TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá tích lũy đi ngang đủ lâu nếu không xác nhận bứt phá dễ mất đà.
- Chỉ báo RSI suy yếu cùng với MACD đã cắt xuống signal cho thấy áp lực điều chỉnh chi phối.
- Vận động có xu hướng kiểm định quanh khu vực 21.
- Cần một phiên bật tăng trên ngưỡng 21.6 để quay lại đà tăng.

➔ KN nắm giữ, hạn chế mua thêm ở nhịp điều chỉnh để tránh rủi ro điều chỉnh sâu hơn

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | VCG | Nắm giữ | 13/05/2025 | 21.25 | 21.65 | -1.8% | 24.5 | 13.2% | 20 | -7.6% | Đi ngang lâu dễ mất đà |

## Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | MSN | Nắm giữ | 05/05/2025 | 62.00 | 53.80 | 15.2% | 66 | 22.7% | 59 | 9.7% | Nâng giá mục tiêu 66, chặn dưới 59 |
| 2 | VCG | Nắm giữ | 13/05/2025 | 21.25 | 21.65 | -1.8% | 24.5 | 13.2% | 20 | -7.6% | |
| 3 | DPG | Mua | 28/04/2025 | 50.50 | 50.80 | -0.6% | 60 | 18.1% | 47 | -7% | |
| 4 | DBC | Mua | 06/05/2025 | 28.60 | 28.1 | 1.8% | 31 | 10.3% | 26.5 | -6% | |
| 5 | REE | Mua | 07/05/2025 | 69.00 | 69.7 | -1.0% | 77 | 10.5% | 66 | -5% | |
| 6 | PLC | Mua | 08/05/2025 | 26.40 | 25.8 | 2.3% | 30 | 16% | 24 | -7% | |
| 7 | MBB | Mua | 12/05/2025 | 23.80 | 23.5 | 1.3% | 26 | 10.6% | 22.5 | -4% | |

## Tín hiệu kỹ thuật

- Ở đồ thị 1 giờ, VN30F2505 duy trì đà tăng ngay đầu phiên, dù giao dịch có chậm lại một chút vào cuối phiên sáng, nhưng đà phấn khởi chiếm ưu thế hoàn toàn vào phiên chiều thúc đẩy hợp đồng tăng giá mạnh.
- Chỉ báo RSI đang vận động trên vùng quá mua cao, cho thấy khả năng tiếp tục bứt phá sẽ khó khăn hơn. Khu vực 1380 – 1385 cũng là cản mạnh trong xu hướng. Nhịp điều chỉnh kỹ thuật có thể xảy ra để củng cố lại đà.
- Vị thế Short cân nhắc khi dao động tiếp cận vùng kháng cự 1380. Vị thế Long tham gia khi kiểm định thành công hỗ trợ bên dưới, hoặc xác nhận bứt phá khỏi biên trên 1385.

## Chiến lược giao dịch trong ngày

| Vị thế | Điểm vào | Chốt lời | Cắt lỗ | Lợi nhuận/ Rủi ro |
|---|---|---|---|---|
| Short | 1378 | 1368 | 1383 | 10 : 5 |
| Long | >1385 | 1400 | 1380 | 15 : 5 |
| Long | 1365 | 1375 | 1360 | 10 : 5 |

## Thống kê hợp đồng tương lai

| Mã hợp đồng | Giá đóng cửa | Thay đổi (điểm) | KL giao dịch | KL Mở | Giá lý thuyết | Chênh lệch | Ngày thanh toán | Thời hạn còn lại (ngày) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VN30 Index | 1,372.0 | 19.8 | | | | | | |
| VN30F2505 | 1,374.0 | 23.5 | 217,169 | 42,866 | 1,372.1 | 1.9 | 15/ 05/ 2025 | 3 |
| VN30F2506 | 1,376.0 | 24.0 | 4,942 | 2,873 | 1,373.3 | 2.7 | 19/ 06/ 2025 | 38 |
| VN30F2509 | 1,372.1 | 24.5 | 124 | 543 | 1,376.2 | -4.1 | 18/ 09/ 2025 | 129 |
| VN30F2512 | 1,373.2 | 25.7 | 129 | 206 | 1,379.2 | -6.0 | 18/ 12/ 2025 | 220 |

## Khối lượng mở (Open interest)

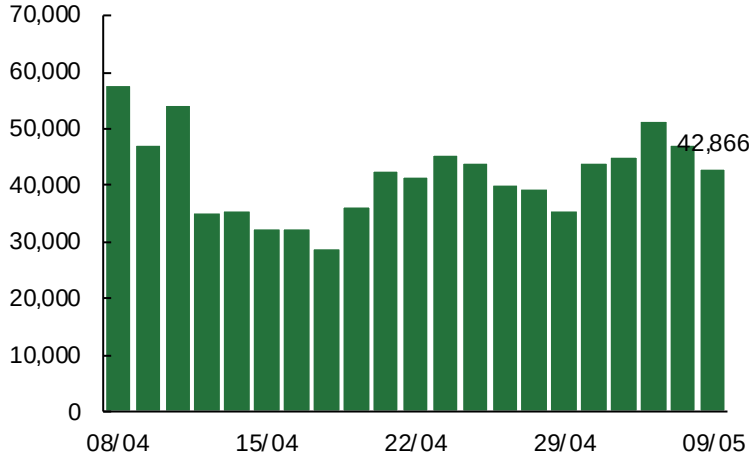


## Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)

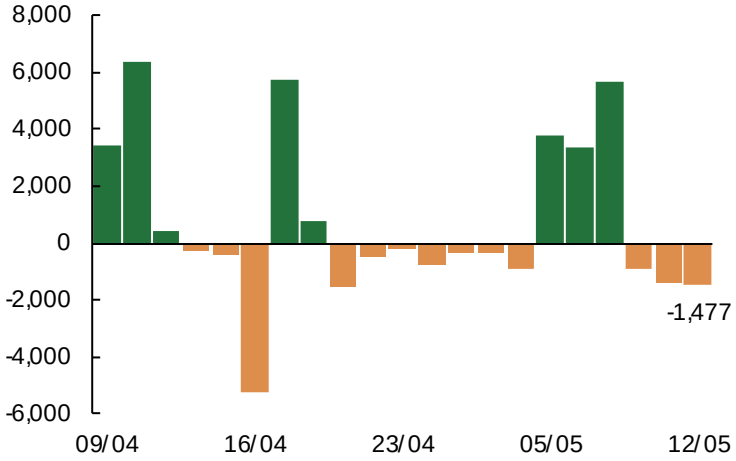


## Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)

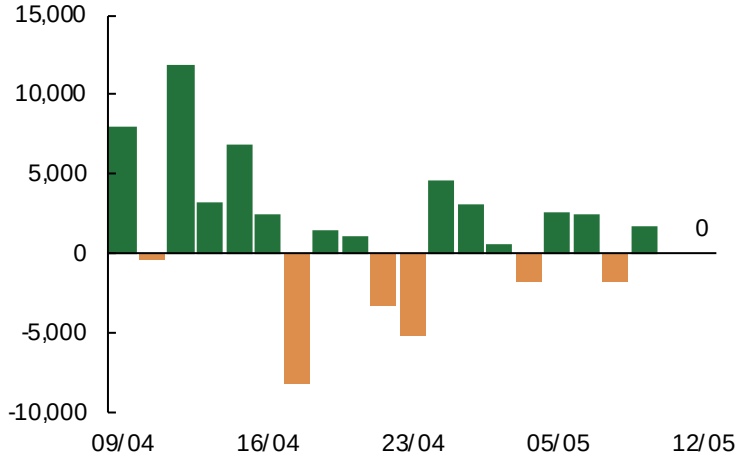


## Basis hợp đồng tương lai

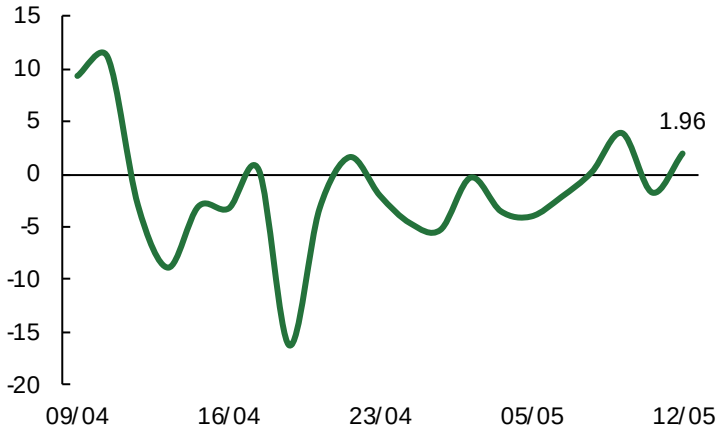


## Đường cong hợp đồng tương lai

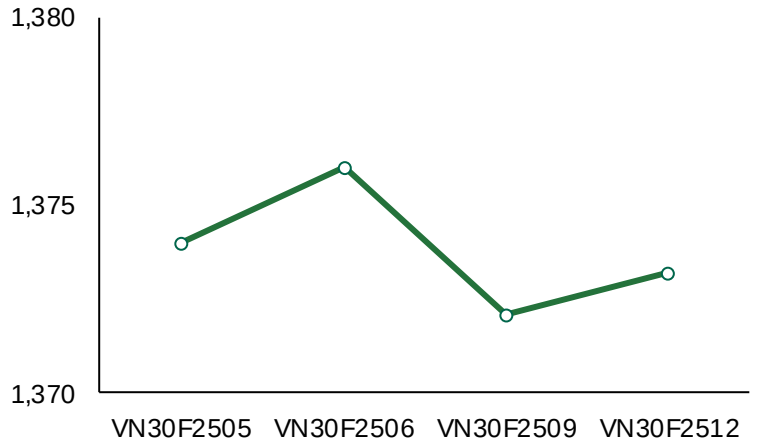


## VN30F1M – VN30F2M

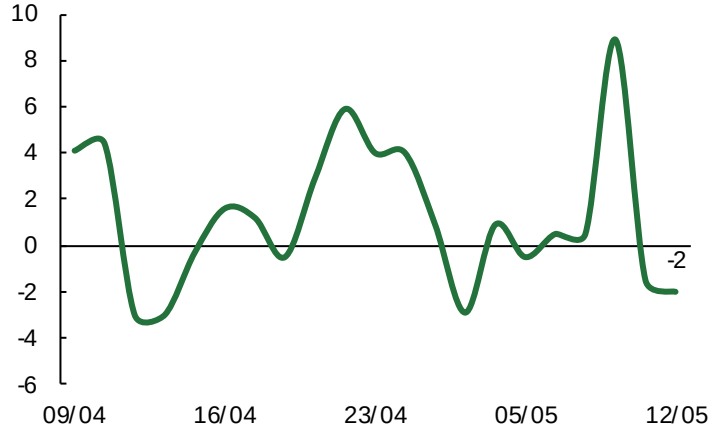

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/ Downside | Khuyến nghị |
|---|---|---|---|---|
| DGC | 91,800 | 102,300 | 11.4% | Tăng tỷ trọng |
| MWG | 60,800 | 66,700 | 9.7% | Nắm giữ |
| HHV | 12,050 | 13,500 | 12.0% | Tăng tỷ trọng |
| TCM | 30,250 | 48,200 | 59.3% | Mua |
| AST | 62,400 | 65,800 | 5.4% | Nắm giữ |
| DGW | 33,300 | 48,500 | 45.6% | Mua |
| DBD | 50,300 | 68,000 | 35.2% | Mua |
| HAH | 68,000 | 61,200 | -10.0% | Giảm tỷ trọng |
| PNJ | 78,600 | 111,700 | 42.1% | Mua |
| HPG | 25,400 | 32,400 | 27.6% | Mua |
| DRI | 11,899 | 15,100 | 26.9% | Mua |
| DPR | 38,200 | 43,500 | 13.9% | Tăng tỷ trọng |
| VNM | 58,600 | 72,500 | 23.7% | Mua |
| STB | 40,000 | 38,800 | -3.0% | Giảm tỷ trọng |
| ACB | 24,400 | 31,900 | 30.7% | Mua |
| MBB | 23,800 | 31,100 | 30.7% | Mua |
| MSB | 11,400 | 13,600 | 19.3% | Tăng tỷ trọng |
| SHB | 13,150 | 12,400 | -5.7% | Giảm tỷ trọng |
| TCB | 29,400 | 30,700 | 4.4% | Nắm giữ |

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/ Downside | Khuyến nghị |
|---|---|---|---|---|
| TPB | 14,750 | 19,700 | 33.6% | Mua |
| VIB | 18,000 | 22,900 | 27.2% | Mua |
| VPB | 17,350 | 24,600 | 41.8% | Mua |
| CTG | 37,850 | 42,500 | 12.3% | Tăng tỷ trọng |
| HDB | 21,500 | 28,000 | 30.2% | Mua |
| VCB | 56,600 | 69,900 | 23.5% | Mua |
| BID | 35,250 | 41,300 | 17.2% | Tăng tỷ trọng |
| LPB | 34,800 | 28,700 | -17.5% | Bán |
| MSH | 48,000 | 58,500 | 21.9% | Mua |
| IDC | 40,600 | 72,000 | 77.3% | Mua |
| SZC | 33,500 | 49,500 | 47.8% | Mua |
| BCM | 61,500 | 80,000 | 30.1% | Mua |
| SIP | 69,900 | 88,000 | 25.9% | Mua |
| IMP | 49,350 | 41,800 | -15.3% | Bán |
| VHC | 52,800 | 83,900 | 58.9% | Mua |
| ANV | 15,000 | 17,200 | 14.7% | Tăng tỷ trọng |
| FMC | 37,500 | 50,300 | 34.1% | Mua |
| SAB | 49,450 | 64,000 | 29.4% | Mua |
| VSC | 22,800 | 18,200 | -20.2% | Bán |

** Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo*

05/05
- Việt Nam – Chỉ số PMI
- Việt Nam – Họp quốc hội

06/05
- Việt Nam – Dữ liệu kinh tế Vĩ mô tháng 04/2025
- Mỹ & Trung Quốc – Chỉ số PMI

08/05
- Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành

10/05
- Trung Quốc – Dữ liệu CPI, PPI, Xuất nhập khẩu tháng 04/2025

13/05
- Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4

14/05
- Việt Nam – Công bố danh mục MSCI

15/05
- Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
- Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 4
- EU – Dữ liệu vĩ mô tháng 04/2025

16/05
- Trung Quốc – Dữ liệu vĩ mô 04/2025

30/05
- Việt Nam – Quỹ ETF liên quan MSCI cơ cấu danh mục
- Mỹ - Công bố số điều chỉnh GDP, Chỉ số Core PCE

## THÔNG TIN VĨ MÔ

**Giải ngân vốn đầu tư công vẫn chậm:** Theo báo cáo của Bộ Tài chính, kết quả giải ngân vốn đầu tư công 4 tháng đầu năm 2025 chưa như kỳ vọng, chỉ ước đạt 15,56% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ năm 2024 là 16,64%. Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc vừa ký Công điện số 60/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc đôn đốc đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công 2025.

**4 tháng đầu năm, Việt Nam nhập hàng hoá Mỹ hơn 5 tỷ USD:** Theo số liệu từ Cục Hải quan, rieeng trong tháng 4/2025, Việt Nam đã chi tiêu hơn 1,56 tỷ USD cho nhập khẩu hàng hóa từ Mỹ. Trong bốn tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu từ Mỹ đã vượt mốc 5,66 tỷ USD, tăng hơn 25% so với cùng kỳ năm trước. Nhóm sản phẩm liên quan đến máy vi tính, thiết bị điện tử và linh kiện chiếm tỷ trọng lớn nhất, với kim ngạch đạt khoảng 1,82 tỷ USD – tăng hơn 58% so với cùng kỳ, chiếm hơn 32% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Hoa Kỳ trong giai đoạn này.

**EVN tiếp tục tăng giá điện:** Từ 10/5, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tăng giá bán lẻ điện bình quân từ 2.103,11 đồng lên 2.204,07 đồng/kWh (chưa gồm thuế giá trị gia tăng - VAT), tương đương tăng 4,8%. Trước đó, lần gần đây nhất vào ngày 11/10/2024, giá điện cũng được điều chỉnh tăng thêm 4,8%.

**Tiến triển mới trong đàm phán Mỹ -Trung:** Kết thúc vòng đàm phán tại Geneva cuối tuần trước, Phó Thủ tướng Trung Quốc He Lifeng và Bộ trưởng Tài chính Mỹ Scott Bessent cùng tuyên bố đạt được "tiến triển đáng kể". Dù chưa đưa ra chi tiết cụ thể, hai bên đã thống nhất thành lập một cơ chế tham vấn song phương do chính hai ông dẫn đầu - đánh dấu một bước đi mang tính thiết chế nhằm đảm bảo đối thoại liên tục, thay vì những đợt đàm phán mang tính đối phó.

## THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**MPC - Thuỷ sản Minh Phú có lãi trở lại sau hai quý lỗ liên tiếp:** Trong quý I/2025, công ty ghi nhận doanh thu đạt 2.847,18 tỷ đồng, tăng 3,5% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế đạt 17,68 tỷ đồng, tăng 142,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp giảm từ 9%, về còn 8,9%. Đóng góp lãi tăng mạnh trong quý I chủ yếu đến từ tiết giảm chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Thuỷ sản Minh Phú vừa trải qua hai quý lỗ liên tiếp khi mà quý III/2024 ghi nhận lỗ 90,1 tỷ đồng và quý IV/2024 tiếp tục lỗ 190,47 tỷ đồng.

**PVS - Lãi quý I giảm nhẹ dù doanh thu tăng mạnh:** Trong quý I, doanh thu thuần PVS đạt 6.013,7 tỷ đồng, tăng 62,1% so với của cùng kỳ năm 2024. Động lực chính đến từ mảng hợp đồng xây dựng với doanh thu 3.972,7 tỷ đồng, kế đến là dịch vụ kỹ thuật dầu khí đóng góp 1.988 tỷ đồng. Tuy nhiên, giá vốn tăng tới 66,8%, cao hơn tốc độ tăng doanh thu, khiến lợi nhuận gộp giảm nhẹ còn 257,1 tỷ đồng. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng lần lượt tăng 3% và 82%, lên 22,7 tỷ đồng và 372,8 tỷ đồng. Kết quả, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của PVS đạt xấp xỉ 300 tỷ đồng, giảm nhẹ 1,6% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 331,5 tỷ đồng, tăng hơn 10%.

**Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

**Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

**© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**
Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472
Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58 Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

**Chi nhánh Quận 1**
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912

**Chi nhánh Quận 3**
Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

**Chi nhánh Tân Bình**
Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

**Chi nhánh Thanh Xuân**
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

**Chi nhánh Hải Phòng**
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801